

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2024/DS-PT

Ngày: 03 – 7 – 2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà.

Ông Võ Công Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 101/2024/QĐXXPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đinh Quang N, sinh năm 1985, địa chỉ: Số nhà E, Đường N, khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1966; địa chỉ: Số nhà E, Đường N, khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (có mặt)

2/ Vợ chồng ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1958, bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, cùng địa chỉ: Số nhà E, Đường N, khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Vợ chồng ông Đinh L1, sinh năm 1945, bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; cùng địa chỉ: Số nhà E đường N, Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (có mặt ông L1, vắng mặt bà T)

2. Ông Đinh Văn N2, sinh năm 1975, địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

3. Ông Đinh Văn N3, sinh năm 1977, địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

4. Bà Đinh Thị Thanh N4, sinh năm 1980, địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

5. Bà Đinh Thị Thanh N5, sinh năm 1982, địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

6. Bà Đinh Thị N6, sinh năm 1950 (vắng mặt)

7. Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1953 (vắng mặt)

8. Bà Đinh Thị Đ1, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

9. Ông Trần Hồng O, sinh năm 1956, địa chỉ: Tổ F, khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

10. Ông Trần Hoàng O1, sinh năm 1959, địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

11. Ông Trần Văn A, sinh năm 1956, địa chỉ: Khu phố M, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

12. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1970, địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

13. Ông Trần Kim Q, sinh năm 1972, địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

14. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1975, địa chỉ: Tổ A, xã M, huyện N, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

15. Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định, địa chỉ: Số nhà F, Đường B, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí C, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định, (Giấy ủy quyền ngày 16/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã H – có đơn đề nghị vắng mặt)

4. *Người làm chứng:*

- Ông Lê K, sinh năm 1954 (có mặt)

- Ông Trần Văn P, sinh năm 1956 (vắng mặt)
- Ông Trần Văn C1, sinh năm 1963 (vắng mặt)
- Ông Lê L2, sinh năm 1964 (vắng mặt)
- Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố A, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Lưu Mỹ H1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đinh Quang N trình bày:

Thửa đất 407, tờ bản đồ 6 tại phường H có nguồn gốc được Nhà nước cấp cho hộ ông Đinh L., hộ ông L1 đã tặng cho thửa đất trên cho ông. Tuy nhiên, hiện nay ông chỉ sử dụng một phần thửa đất, phần còn lại do ông L bà H và bà N1 sử dụng. Nay ông N yêu cầu ông L bà H và bà N1 trả lại cho ông phần đất mà các ông bà đang chiếm sử dụng theo đúng ranh giới kích thước theo bản đồ do Nhà nước đo đạc, quản lý. Phần đất lấn mương nước ông không có yêu cầu tranh chấp. Yêu cầu vợ chồng ông L bà H và bà N1 dọn dỡ tài sản của các ông bà có trên đất, riêng sổ dờ xiêm của bà N1 đã trồng từ lâu nên ông xin nhận và sẽ trả lại giá trị cho bà N1.

Bị đơn ông L bà H và bà N1 trình bày:

Thửa đất mà ông N tranh chấp có nguồn gốc của ông L, bà N1 và ông L1 khai hoang canh tác mỗi người một phần từ năm 1986 đến nay. Ông L1 được cấp sổ đỏ nhưng cũng không biết mà vẫn sử dụng phần mà ông khai hoang chứ không tranh chấp gì với ông L và bà N1 phần đất còn lại. Sau này, ông L1 mới biết rồi đi đòi đất là vô lý. Các ông bà không chấp nhận yêu cầu của ông N. Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L1 và nội dung điều chỉnh biên động đất qua cho ông N đối với phần đất mà các ông bà đã khai hoang và đang canh tác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, đối với phần đất của ông L1 tự khai hoang các ông bà không yêu cầu, tranh chấp gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông L1, bà T trình bày: Thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H có nguồn gốc ông L, bà N1 và ông L1 cùng sử dụng từ khi ông L1 được giao quyền đến nay. Hộ ông L1 đã cho ông N và không tranh chấp gì. Thửa đất đã được giao cho hộ của ông L1 nhưng ông L, bà N1 vẫn sử dụng sau khi hộ ông bà đã được cấp đất là không đúng. Ông bà yêu cầu trả đất lại cho ông N sử dụng. Ông bà không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L bà H và bà N1.

+ Ông N2, ông N3, bà N4, bà N5 trình bày: Hộ gia đình ông L1 được cân đối giao quyền sử dụng thửa đất 407, hộ gồm 08 nhân khẩu. Năm 2015 đã tặng cho thửa

đất cho ông N. Các ông bà không có tranh chấp gì thửa đất với ông N và không đồng ý việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L bà H và bà N1.

+ Bà Đ1, bà Đ trình bày: Các bà không có tranh chấp gì với ông N đối với thửa đất 407 đã được cấp cho hộ anh trai của các bà là ông Đình L1 và không đồng ý việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L bà H và bà N1.

+ Ông O1, bà T1, bà T2, ông O, ông A, ông Q trình bày: Các ông bà là con của bà Đình Thị T3 là cháu ngoại của bà Trần Thị L3 là nhân khẩu được cấp đất tại hộ ông Đình L. Các ông bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì về thửa đất hiện có tranh chấp và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định.

+ Bà N6 trình bày: Bà là con của bà Trần Thị L3, là em ruột của ông L1. Bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì về thửa đất 407 đã được cấp cho hộ ông L1 có phần của bà L3 và việc tặng cho ông N. Bà đề nghị Tòa án giải quyết công bằng để đảm bảo quyền lợi cho cháu bà là ông N.

+ Người đại diện hợp pháp của UBND thị xã H có ý kiến: Thực hiện Quyết định số 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng Chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước và Chỉ thị số 299-TTg ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ về công tác đo đạc, phân hạng và đăng ký thống kê ruộng đất trong cả nước. Thửa đất 407, tờ bản đồ 6 (bản đồ năm 1997), phường H được thể hiện tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 (bản đồ năm 1984), loại đất: 3L, sổ mục kê ruộng đất ghi tên chủ sử dụng ruộng đất Hợp tác xã. Theo hồ sơ năm 1997: Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ ban hành kèm theo bản quy định về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Thửa đất 407, tờ bản đồ 6 (bản đồ năm 1997), diện tích 416m² đất màu. Ông Đình L4 có đơn xin đăng ký ruộng đất tại các thửa đất, trong đó có thửa đất 407, tờ bản đồ 6 (bản đồ năm 1997), được Hội đồng đăng ký ruộng đất xã H xét thống nhất đề nghị. Ngày 18/10/1996, UBND huyện cấp GCNQSD đất số vào sổ 01971/A10 tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6, diện tích 416m², loại đất màu cho hộ ông Đình L. Năm 2015 ông Đình L1, bà Nguyễn Thị T, ông Đình Văn N2, ông Đình Văn N3, bà Đình Thị Thanh N4, bà Đình Thị Thanh N5 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng thửa đất 407, tờ bản đồ 6 cho ông Đình Quang N, được UBND xã H chứng thực ngày 30/10/2015, được Văn phòng đăng ký đất đai đăng ký biến động ngày 10/12/2015. Theo bản đồ VN-2000: Thửa đất 407, tờ bản đồ 6 (bản đồ năm 1997), phường H được đo đạc thành thửa đất 370, tờ bản đồ 22 (bản đồ VN2000), diện tích 525,7m² đất trồng cây hàng năm khác, thửa đất trên chưa cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất, hộ ông Nguyễn Hữu L được xét cân đối, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 07 thửa đất, gồm các thửa đất: Thửa 410 diện tích 1.088m² (200m² đất ở, 888m² đất vườn), thửa 408C diện tích 320m² đất màu, thửa 775A diện tích 1.120m² đất màu, thửa 130C diện tích 860m²

đất màu, thửa 128B diện tích 944m² đất màu thuộc tờ bản đồ số 6 và thửa 1602 diện tích 656m² đất lúa, thửa 1133A diện tích 424m² đất lúa thuộc tờ bản đồ số 2.

Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất, bà Huỳnh Thị N1 ở trong hộ ông Phạm Hữu Q1 được xét cân đối, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 05 thửa đất, gồm các thửa đất số: 411 diện tích 1.152m² (200m² đất ở, 952m² đất vườn), thửa 408B diện tích 320m² đất màu, thửa 406B diện tích 368m² đất màu, thửa 321G diện tích 98m² đất màu thuộc tờ bản đồ số 6 và thửa 841 diện tích 700m² đất lúa thuộc tờ bản đồ 02.

Nay xảy ra tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Người làm chứng trình bày:*

+ Ông K, Ông Trần Văn P trình bày: Các ông không có quan hệ bà con gì với ông L và bà N1, chỉ là hàng xóm. Trước đây, tất cả các ông bà vào khu đất có tranh chấp để khai hoang làm kinh tế. Miếng đất có tranh chấp do ông L, ông Q2 bà N1, ông L1 khai hoang, mỗi người sử dụng một phần từ năm 1986 đến nay. Hộ ông L, hộ bà N1 sử dụng ổn định lâu nay không xâm lấn gì đất của ông L1.

+ Ông C1, ông L2, bà M trình bày: Các ông bà không có quan hệ bà con gì với ông L và bà N1, chỉ là hàng xóm. Khoảng năm 1986, các ông bà cũng như ông L, bà N1 vào khu đất có tranh chấp để khai hoang làm kinh tế. Phần đất có tranh chấp là của ông L, bà N1 khai hoang sử dụng từ năm 1986 đến nay. Ông N tranh chấp là không đúng

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã H quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quang N.

1.1. Buộc vợ chồng Nguyễn Hữu L và Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Đinh Quang N được quyền sử dụng diện tích 218m² đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định, có giới cận và kích thước:

- Đông giáp thửa đất 387 dài 2,56m+2,08m+7,98m và giáp thửa đất 385 dài 5,52m;

- Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất 407 (phần đất bà N1 đang sử dụng có tranh chấp) dài 9,26m;

- Nam giáp thửa đất 384 dài 4,5m và giáp thửa đất 385 dài 15,58m;

- Bắc đất mương thuộc quản lý của Nhà nước dài 23,13m.

(Có sơ đồ kèm theo)

1.2. Buộc bà Huỳnh Thị N1 phải trả lại cho ông Đinh Quang N được quyền sử dụng diện tích đất 134,5m² đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định, có giới cận và kích thước:

- Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất 407 (phần đất ông Lục đang sử dụng có tranh chấp) dài 9,26m;
- Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất 407 (phần đất ông N đang sử dụng) dài 11,46m;
- Nam giáp thửa đất 384 dài 5,03m+8,53m;
- Bắc đất nương thuộc quản lý của Nhà nước dài 13,38m.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Buộc vợ chồng Nguyễn Hữu L bà Nguyễn Thị H phải dọn dỡ toàn bộ tài sản có trên diện tích 218m² đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (gồm cây dừa xiêm mới trồng, cây cau ta mới trồng, cỏ voi...).

3. Buộc bà Huỳnh Thị N1 phải dọn dỡ toàn bộ tài sản có trên diện tích 134,5m² đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (gồm 02 trụ bê tông kích thước 10cm x 10cm x 50cm chôn sát đất, cỏ voi...).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Quang N, giao cho ông Đinh Quang N được quyền sở hữu 06 cây dừa xiêm đã có trái trên diện tích 134,5m² đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định và ông Đinh Quang N phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị N1 giá trị của 06 cây dừa xiêm đã có trái với số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

- Ngày 17/01/2024 bị đơn bà Huỳnh Thị N1, ông Nguyễn Hữu L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đinh L1 tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông L bà N1 giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị xã H, bà Nguyễn Thị T, ông Đinh Văn N2, ông Đinh Văn N3, bà Đinh Thị Thanh N4, bà Đinh Thị Thanh N5, bà Đinh Thị N6, bà Đinh Thị Đ, bà Đinh Thị Đ1, ông Trần Hồng O, ông Trần Hoàng O2, ông Trần Văn A, bà Trần Thị T1, ông Trần Kim Q, bà Trần Thị T2 (UBND thị xã H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Do các đương sự được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị N1, ông Nguyễn Hữu L, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Thửa đất 407, tờ bản đồ 6 có nguồn gốc của Hợp tác xã quản lý (theo hồ sơ địa chính năm 1984). Đến khi thực hiện cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hộ ông L1 đã có đơn kê khai và ngày 18/10/1996 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 416m² tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6. Thực tế, hộ ông L, hộ bà N1 và hộ ông L1 mỗi người sử dụng một phần diện tích đất tại thửa đất nói trên nhưng đất thuộc quản lý của Hợp tác xã. Ông L, bà N1 không đăng ký kê khai đối với phần đất mình sử dụng tại thửa đất số 407. Khi thực hiện cân đối đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP, hộ ông L và hộ ông Q2 (chồng bà N1) cũng không kê khai đối với phần đất này. Mặt khác, hộ ông L, hộ ông Q2 (chồng bà N1) đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất đủ diện tích theo nhân khẩu, đảm bảo quyền lợi của hộ theo Nghị định 64/CP của chính phủ.

[2.2] Như vậy, ông L, bà N1 sử dụng một phần đất tranh chấp nhưng không kê khai, không đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật đất đai. Đồng thời đất tranh chấp trước đây do Hợp tác xã quản lý. Do đó, ông L, bà N1 sử dụng đất trái phép, không đúng quy định pháp luật về đất đai.

[2.3] Thửa đất 407 đã được Nhà nước cân đối và giao quyền sử dụng đất cho hộ ông L1, phù hợp với kê khai, với nhân khẩu của hộ và được cấp giấy chứng nhận nên hộ ông L1 có quyền sử dụng đối với thửa đất này. Hộ ông L1 đã tặng cho thửa đất cho ông N, các thành viên hộ ông L1 được cấp đất và người thừa kế của bà Trần Thị L3 đều không có tranh chấp, yêu cầu gì về việc tặng cho này. Vì vậy, ông N có quyền sử dụng đối với thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H. Việc cấp thửa đất 407, tờ bản đồ 6 cho hộ ông L1 và việc tặng cho đất cho ông N là đúng trình tự, thủ tục cấp đất và phù hợp với quy định của pháp luật về quyền của người sử dụng đất nên việc ông L bà H và bà N1 yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông L1 và hủy việc đăng ký biến động tặng cho ông N là không có căn cứ. Hiện nay, ông L bà H và bà N1 đang sử dụng một phần thửa đất 407, trồng trụ bê tông làm mốc giới, trồng cây cau, cây dừa và các loại cây khác là xâm phạm quyền sử dụng đất hợp pháp của ông N. Ông N yêu cầu yêu cầu dọn dỡ các tài sản trả lại đất là có căn cứ

nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số cây dừa của bà N1 đã trồng từ lâu nên việc chặt dọn sẽ gây lãng phí, ông N tự nguyện xin nhận sử dụng và trả lại giá trị cho bà N1 là phù hợp nên ghi nhận.

[2.4] Về diện tích đất có tranh chấp: Qua đo đạc thì thực tế hiện nay ông L bà H đang sử dụng 286,6m², trong đó có 6,4m² thuộc thửa đất 387, tờ bản đồ 22 và 62,2m² đất nương; bà N1 đang sử dụng diện tích 159,1m² trong đó có 24,6m² đất nương. Ông N chỉ yêu cầu trả lại phần đất theo bản đồ VN2000, phần đất lấn nương và của thửa đất khác ông không có yêu cầu tranh chấp. Như vậy, thực tế ông L bà H và bà N1 đã sử dụng lấn đất nương do Nhà nước quản lý, phần lấn chiếm này các bên không có tranh chấp và việc lấn chiếm đất nương thuộc thẩm quyền xử lý của UBND nên HĐXX không xem xét.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Huỳnh Thị N1, ông Nguyễn Hữu L kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là đúng nên không được chấp nhận. Do đó HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do người kháng cáo bà Huỳnh Thị N1, ông Nguyễn Hữu L không được chấp nhận nên bà bà Huỳnh Thị N1 phải chịu 300.000đ, ông Nguyễn Hữu L là người cao tuổi nên miễn nộp.

[5] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà N1 giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 12, 26, 166, 167, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị N1, ông Nguyễn Hữu L Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 09/2024/DS-ST ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã H, tỉnh Bình Định.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Quang N.

1.1. Buộc vợ chồng Nguyễn Hữu L bà Nguyễn Thị H phải trả lại cho ông Đinh Quang N được quyền sử dụng diện tích 218m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định, có giới cận và kích thước:

- Đông giáp thửa đất 387 dài $2,56\text{m}+2,08\text{m}+7,98\text{m}$ và giáp thửa đất 385 dài $5,52\text{m}$;

- Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất 407 (phần đất bà N1 đang sử dụng có tranh chấp) dài $9,26\text{m}$;

- Nam giáp thửa đất 384 dài $4,5\text{m}$ và giáp thửa đất 385 dài $15,58\text{m}$;

- Bắc đất nương thuộc quản lý của Nhà nước dài $23,13\text{m}$.

(Có sơ đồ kèm theo)

1.2. Buộc bà Huỳnh Thị N1 phải trả lại cho ông Đinh Quang N được quyền sử dụng diện tích đất $134,5\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định, có giới cận và kích thước:

- Đông giáp phần đất còn lại của thửa đất 407 (phần đất ông Lục đang sử dụng có tranh chấp) dài $9,26\text{m}$;

- Tây giáp phần đất còn lại của thửa đất 407 (phần đất ông N đang sử dụng) dài $11,46\text{m}$;

- Nam giáp thửa đất 384 dài $5,03\text{m}+8,53\text{m}$;

- Bắc đất nương thuộc quản lý của Nhà nước dài $13,38\text{m}$.

(Có sơ đồ kèm theo)

2. Buộc vợ chồng Nguyễn Hữu L bà Nguyễn Thị H phải dọn dỡ toàn bộ tài sản có trên diện tích 218m^2 đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (gồm cây dừa xiêm mới trồng, cây cau ta mới trồng, cỏ voi...) để trả lại mặt bằng đất cho ông Đinh Quang N.

3. Buộc bà Huỳnh Thị N1 phải dọn dỡ toàn bộ tài sản có trên diện tích $134,5\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (gồm 02 trụ bê tông kích thước $10\text{cm} \times 10\text{cm} \times 50\text{cm}$ chôn sát đất, cỏ voi...) để trả lại mặt bằng đất cho ông Đinh Quang N.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đinh Quang N, giao cho ông Đinh Quang N được quyền sở hữu 06 cây dừa xiêm đã có trái trên diện tích $134,5\text{m}^2$ đất trồng cây hàng năm khác tại thửa đất 407, tờ bản đồ 6 phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định và

ông Đinh Quang N phải thanh toán cho bà Huỳnh Thị N1 giá trị của 06 cây dừa xiêm đã có trái với số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

5. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Huỳnh Thị N1 phải chịu 300.000đ. Được khấu trừ 300.000đ bà N1 đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006132 ngày 17/01/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã H.

Ông Nguyễn Hữu L được miễn nộp

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

7.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

7.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. 8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Minh Dũng